

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2026/TLST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần B; địa chỉ: Số A hẻm A đường L, phường N, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H1 - Luật sư Công ty L1 (*Hợp đồng ủy quyền ngày 11/02/2026*).

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ trụ sở: Đường H, khu phố H, phường N, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị L – Giám đốc Công ty.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nghĩa vụ trả nợ tiền hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có nghĩa vụ trả nợ tiền hàng còn lại cho Công ty cổ phần B theo Hợp đồng Kinh tế số 24.02/2023/HĐKT/AD - TL ngày 24/02/2023; Hợp đồng kinh tế số 26.07/2023/HĐKT/AD - TL ngày 26/7/2023 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/7/2023 với số tiền là: 47.290.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

2.2 Nghĩa vụ chậm trả nợ tiền hàng: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất

được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3 Án phí:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T thỏa thuận chịu 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần B, toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp, là: 1.477.813 đồng (*Một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười ba đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000730 ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5;
- TAND tỉnh Q.Trị;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vũ Xuân